

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Mã CK: IJC
Địa chỉ: Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274 3848789 E-mail: info@becamexijc.com
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Thanh Hùng – Tổng Giám đốc
- Loại thông tin công bố: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2026 tại đường dẫn : www.becamexijc.com/Quanhecodong

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Lưu VP.HĐQT

Người thực hiện công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH THANH HÙNG

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026.



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Thời gian:

8 giờ 00 phút, Thứ năm, ngày 09/04/2026

Địa điểm:

Khách sạn Becamex Hotel
Số B2, Đường Hùng Vương, P. Bình Dương, Tp. HCM

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00-8h30	Tiếp đón, đăng ký cổ đông
8h30-9h00	Tuyên bố lý do – Giới thiệu thành phần tham dự
	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
	Giới thiệu và biểu quyết thông qua
	- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 - Thành phần Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử, Ban Thư ký - Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
9h00-09h30	Báo cáo hoạt động của HĐQT và TV.HĐQT độc lập năm 2025 và Báo cáo của TGD, BKS
	1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025
	2. Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập
	3. Báo cáo của TGD về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
	4. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2025
9h30-10h00	Thông qua các tờ trình: - Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Báo cáo của HĐQT và thành viên HĐQT độc lập năm 2025, Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025; - Báo cáo của TGD về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026; - Báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025; - Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty; - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026; - Chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026. - Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC và kiểm toán hoạt động (nếu cần) năm 2026; - Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 – 2027); - Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).
10h00-10h30	Đại hội thảo luận
10h30-10h40	Biểu quyết thông qua các tờ trình
10h40-11h15	Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027) - Thông qua quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát - Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát - Hướng dẫn và tiến hành bầu cử - Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027)
11h15-11h30	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐỖ QUANG NGÔN



QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“Đại hội”) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“Công ty”)

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

- Điều kiện tham dự Đại hội
Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty theo danh sách chốt ngày 10/03/2026 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
- Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Cổ đông) cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Thông báo mời họp
 - Căn cước công dân hoặc hộ chiếu
 - Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội)Sau khi xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban tổ chức, cổ đông đến dự Đại hội được nhận một thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết về các nội dung trong báo cáo và tờ trình, tài liệu họp, phiếu bầu cử (nếu có) và phiếu đặt câu hỏi.
 - Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
 - Cổ đông tham dự Đại hội có ý kiến thảo luận, phải tiến hành đăng ký phát biểu theo mẫu Phiếu đặt câu hỏi của Ban tổ chức. Mẫu Phiếu đặt câu hỏi được phát cho từng cổ đông ngay vào ngày khai mạc Đại hội (khi làm thủ tục tham dự Đại hội), cổ đông nộp Phiếu đặt câu hỏi tại bàn Thư ký trước giờ Đại hội tiến hành thảo luận 15 phút, Chủ tọa đại hội sẽ sắp xếp ưu tiên cho các cổ đông tham dự Đại hội phát biểu theo thứ tự

đăng ký, các ý kiến phát sinh sau trong quá trình tiến hành Đại hội sẽ được Chủ tọa đại hội ghi nhận, nếu đủ thời gian thì sẽ được giải đáp tại đại hội, nếu không đủ thời gian thì sẽ được giải đáp trực tiếp bằng văn bản gửi kèm báo cáo kết quả Đại hội đến địa chỉ đăng ký của cổ đông. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Được sử dụng máy ghi âm để hoàn chỉnh Biên bản một cách đầy đủ và trung thực theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
3. Soạn thảo Biên bản họp và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
4. Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp. Biên bản sẽ được hoàn chỉnh một cách trung thực và đầy đủ theo diễn biến Đại hội, là cơ sở để Thư ký tổng hợp Báo cáo kết quả Đại hội thông báo đến từng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn, cách biểu quyết, cách sử dụng phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.
3. Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 – 2027).
4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.



CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/03/2026.

Điều 9. Trật tự của Đại hội

1. Cổ đông đến dự Đại hội khi vào hội trường tham dự Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
2. Cổ đông có trách nhiệm tham dự họp từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông nào vì lý do cá nhân phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để nộp lại phiếu biểu quyết đã ghi ý kiến của cổ đông về các nội dung báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

Điều 10. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc
Tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết, trong đó ghi họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Công ty.
2. Cách biểu quyết
Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, và ghi ý kiến biểu quyết của mình vào phiếu biểu quyết được phát cho cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội và nộp lại cho Ban Tổ chức khi Đại hội kết thúc.
Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được đưa ra, các cổ đông tán thành thông qua thì giơ cao thẻ biểu quyết. Thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành.
Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không tán thành hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ cao thẻ biểu quyết.

[Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế bầu cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ \(2022 – 2027\)](#)

Điều 11. Thông qua nghị quyết của Đại hội

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4,6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Gia hạn hoạt động công ty;



2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên Ban kiểm soát nếu số lượng ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban kiểm soát thì việc bầu thành viên Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải lập xong trước khi bế mạc cuộc họp. Thư ký sẽ thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc đại hội. Thay vì Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua biên bản trước khi bế mạc đại hội, theo dự kiến của Ban tổ chức xin phép Đại hội được thông qua Nghị quyết trước khi bế mạc đại hội
2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được công bố thông tin trên website công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc Đại hội và lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 04 Chương, 13 Điều, được công khai trước khi tiến hành Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ

ĐỖ QUANG NGÔN



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“ Công ty/IJC”) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Thực hiện các chỉ tiêu KQKD năm 2025

Năm 2025, khép lại với những dấu ấn tăng trưởng nổi bật của kinh tế Việt Nam, bất chấp bối cảnh quốc tế nhiều biến động: sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột địa chính trị, chiến tranh thương mại và những diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Chính phủ và sự phối hợp đồng bộ giữa các chính sách tài khóa, tiền tệ được điều hành chủ động, tăng trưởng GDP năm 2025 vượt 8%, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được duy trì ổn định. Bên cạnh đó, bộ ba Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản chính thức có hiệu lực từ tháng 08/2024 cũng đã tháo gỡ các nút thắt pháp lý, ổn định tâm lý nhà đầu tư thông qua các quy định minh bạch về quyền sở hữu.

Nhằm tận dụng những cơ hội nêu trên, để triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến của thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số, kiểm soát hiệu quả vốn đầu tư với quyết tâm cao hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 với kết quả như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 là: 1.799 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch, tổng chi phí là 1.091 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế là: 708 tỷ đồng, đạt 137% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là: 597 tỷ đồng, đạt 139% kế hoạch. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản là 10.333 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2024, vốn chủ sở hữu là: 7.992 tỷ đồng, tăng 56% so với năm 2024.
- Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2025 là: 1.441 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, tổng chi phí là: 878 tỷ đồng, đạt 66 % kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế là: 563 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là: 459 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch.

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

2.1 Cơ cấu nhân sự HĐQT

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật có tất cả 05 thành viên với cơ cấu bao gồm: 01 thành viên điều hành, 01 thành viên độc lập và 03 thành viên không điều hành. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật về số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị cũng như quy định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT
-----	-----------------	---------	---------------------------------



1.	Ông Đỗ Quang Ngôn	Chủ tịch HĐQT	15/04/2022
2.	Ông Quảng Văn Viết Cường	Phó CT.HĐQT	15/04/2022
3.	Ông Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT	15/04/2022
4.	Bà Võ Thị Huyền Trang	Thành viên HĐQT	15/04/2022
5.	Bà Lê Thị Xuân Diệu	Thành viên HĐQT độc lập	07/04/2023

2.2 Các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT

- Trong năm 2025, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT Công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025; tổ chức 64 cuộc họp HĐQT để tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng phát triển của Công ty; đồng thời giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành trong việc triển khai các nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2025 để thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

(Bảng tổng hợp các Nghị quyết, Quyết định HĐQT năm 2025 đã được công bố tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2025)

2.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Nội dung về hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị được trình bày chi tiết tại Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025.

2.4 Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty và người có liên quan.

- Năm 2025, Công ty có ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan. Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

- Trình tự thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

- Danh sách Người có liên quan của Công ty và các giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan do HĐQT phê duyệt đã được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

2.5 Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2025 phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty.



- Thông qua các cuộc họp, HĐQT đã đưa ra chỉ đạo, định hướng chiến lược kịp thời giúp cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai các công việc.
- Giám sát và kiểm soát các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.
- Rà soát và tăng cường hoạt động quản trị doanh nghiệp, hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro.

2.6 Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ

- Năm 2025, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm tra các phòng ban và đơn vị trực thuộc Công ty trong việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình của Công ty; đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro, tập trung vào một số lĩnh vực trọng yếu như: hoạt động quản lý thu phí, quản lý công nợ BĐS, xuất nhập quản lý hàng tồn kho v.v... Kết quả năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ không ghi nhận sự kiện rủi ro hoặc vi phạm trọng yếu đối với các hoạt động đã kiểm toán. Các sai sót đều được các phòng ban chỉnh sửa kịp thời sau khi có ý kiến của Kiểm toán nội bộ giúp cải thiện và nâng cao hiệu quả sau kiểm toán.

2.7 Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

a. Thực hiện các chỉ tiêu Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

Nội dung chi tiết về thực hiện các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 được nêu chi tiết tại khoản 1 mục I của Báo cáo.

b. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 và năm 2025:

- HĐQT đã chỉ đạo trích lập các quỹ và hoàn thành chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông, thời gian thanh toán từ ngày: 08/10/2025 với tỷ lệ chi trả 5% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền chi trả: 188.874.192.000 đồng.
- Thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025: HĐQT đã lập và trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 tại Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026.

c. Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2024 và năm 2025:

Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2024: Năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 là: 0,5% x Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2024, tương ứng với số tiền: 1.218.000.000 đồng. Trong đó, số tiền thù lao chi trả cho HĐQT là: 835.200.000 đồng, được phân phối cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 18/04/2025, cụ thể:

- 01 Chủ tịch HĐQT: 261.000.000 đồng/năm
- 01 Phó Chủ tịch HĐQT: 208.800.000 đồng/năm
- 03 Thành viên HĐQT: 121.800.000 đồng/năm
- Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025: HĐQT đã lập và trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 tại Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026.



d. Báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025

- HĐQT đã lập báo cáo ĐHCĐ chi tiết về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 tại Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026.

e. Thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2025:

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết số: 29/NQ-HĐQT ngày 05/06/2025 về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

- Bước sang năm 2026, Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng tích cực nhờ vào các chính sách hỗ trợ và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh.

- Tận dụng lợi thế nằm trong hệ sinh thái công nghiệp của Bình Dương (cũ) nay là phía Bắc thành phố Hồ Chí Minh, sau sáp nhập IJC sở hữu cơ hội vàng để đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư khi không chỉ sở hữu quỹ nhà, đất ở mà còn đóng vai trò then chốt trong việc hoàn thiện mạch máu giao thông kết nối các khu công nghiệp, từ đó gia tăng giá trị tài sản và tạo ra lợi thế cạnh tranh độc quyền trong khu vực.

- IJC xác lập mục tiêu chuyển dịch cơ cấu doanh thu mạnh mẽ, tập trung vào lĩnh vực thi công hạ tầng giao thông trọng điểm để tạo sự ổn định bền vững. Việc chuyển dịch mạnh mẽ sang mảng thi công xây dựng trong giai đoạn tới chính là giải pháp phòng vệ hiệu quả trước sự nhạy cảm của lãi suất đối với các dự án hạ tầng, dự án BOT dài hạn, đồng thời đa dạng hóa dòng thu để bảo vệ biên lợi nhuận an toàn.

- Trên cơ sở phân tích và đánh giá tình hình kinh tế trong nước và năng lực hoạt động của IJC trong năm 2025, định hướng cho hoạt động năm 2026. HĐQT thống nhất đặt mục tiêu trình ĐHCĐ cho năm tài chính 2026 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	%KH năm 2026/TH năm 2025
1.	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	1.799	2.454	136%
2.	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	597	541	91%

Để đạt được mục tiêu trên, HĐQT chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các giải pháp sau:

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp chiến lược để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 được ĐHCĐ giao.

- Đẩy mạnh triển khai các dự án hợp tác giữa Công ty và Tập đoàn Becamex; các Công ty liên kết: Becamex Bình Phước, Công ty CP Đường Cao tốc Tp.HCM-TDM-Chơn Thành, Công ty CP Đường Vành đai 4 Tp.HCM cùng các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.



- Tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư, triển khai dự án mà Công ty đang tham gia đầu tư hoặc góp vốn; đẩy mạnh công tác quan hệ với nhà đầu tư.
- Tăng cường công tác quản trị dự án và quản trị tài chính đối với các lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo đáp ứng nguồn vốn cho các dự án và nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và tăng tốc chuyển đổi số vào quản lý nhằm tối ưu chi phí, nâng cao năng suất lao động.

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kết hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026. Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐỖ QUANG NGÔN



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ khoản 3 Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 80 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/09/2025 về việc từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 như sau:

I. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“Becamex IJC”) gồm 05 thành viên với cơ cấu như sau: 01 thành viên điều hành, 03 thành viên không điều hành và 01 thành viên độc lập. Cơ cấu này tuân thủ đầy đủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật về số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, và quy định về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập.

Cơ cấu quản trị của Công ty bảo đảm sự tách biệt giữa chức năng quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị và chức năng điều hành của Ban điều hành, phù hợp với các thông lệ quản trị công ty.

II. Đánh giá chung hoạt động của hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 64 phiên họp định kỳ và bất thường (*chi tiết được cập nhật tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2025*). Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, thảo luận, phản biện và biểu quyết độc lập đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, trên cơ sở bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Các nghị quyết của HĐQT được thảo luận và thông qua theo nguyên tắc biểu quyết đa số, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; biên bản họp được lập và lưu trữ đầy đủ theo quy định.

HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đồng thời tăng cường giám sát và đánh giá rủi ro đối với các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của



pháp luật và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Sau khi các nghị quyết được ban hành, HĐQT thực hiện theo dõi và giám sát việc triển khai thực hiện; định kỳ cập nhật tiến độ, đánh giá hiệu quả thực hiện và kịp thời chỉ đạo điều chỉnh khi cần thiết.

Thông qua hệ thống văn phòng điện tử (E-Office), HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, đồng thời theo dõi việc tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Trong năm, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng,

Thành viên HĐQT độc lập

Lê Thị Xuân Diệu



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Năm 2025, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp nền kinh tế nước ta đạt mức tăng trưởng 8,02%, đạt mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2025 của Chính phủ. Bên cạnh đó, chính sách tài khóa được điều hành mở rộng, có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp hài hòa, hiệu quả với chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và thúc đẩy tăng trưởng.

Những biến động về kinh tế, chính trị của thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế. Thị trường bất động sản thanh khoản vẫn còn thấp, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực của Ban điều hành cùng tập thể cán bộ nhân viên đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ góp phần gia tăng năng lực tài chính, chủ động nguồn vốn mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2025 như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

1. Kết quả kinh doanh công ty mẹ năm 2025

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/KH 2025	% tăng/giảm TH 2025/ TH 2024
Tổng doanh thu	788	1.787	1.441	81%	83%
Tổng chi phí	494	1.333	878	66%	78%
Lợi nhuận trước thuế	294	454	563	124%	91%
Lợi nhuận sau thuế	244	373	459	123%	88%
Chi trả cổ tức	5%/VĐL	5%/VĐL (*)	5%/VĐL (*)		

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ đã kiểm toán năm 2025

(*) Vốn điều lệ sau phát hành CP tăng VĐL năm 2025: 6.295.806.400.000 đồng.

Tổng doanh thu của Công ty mẹ năm 2025 đạt 1.441 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, tăng 83% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty mẹ đạt 563 tỷ đồng và 459 tỷ đồng lần lượt đạt 124% và 123% kế hoạch, tăng 91% và 88% so với năm 2024.



2. Kết quả kinh doanh của các công ty thành viên năm 2025

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty BHI			Công ty Xây dựng IJC			Công ty WTC		
	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
Tổng doanh thu	222	212	95%	116	65	56%	23	24,8	108%
Tổng chi phí	196	181	92%	111	61	55%	21,4	16,9	79%
LNTT	26	31	119%	5	4	80%	1,6	7,9	494%
LNST	21	26	124%	4	3,2	80%	1,3	6,3	485%

Nguồn: Báo cáo tài chính các công ty thành viên đã kiểm toán năm 2025

Tháng 2/2026 thực hiện đổi tên Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Becamex (BTI) thành Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng IJC.

3. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/KH 2025	% tăng/giảm TH 2025/TH 2024
Tổng doanh thu	1.170	2.086	1.799	86%	54%
+ Doanh thu thu phí	309	309	332	107%	7%
+ Doanh thu kinh doanh BĐS	323	990	974	98%	202%
+ Doanh thu thi công xây dựng	-	400	-	-	-
+ Doanh thu khác	538	387	493	127%	(8%)
Tổng chi phí	755	1.569	1.091	70%	45%
Lợi nhuận trước thuế	415	517	708	137%	71%
Lợi nhuận sau thuế	354	429	597	139%	69%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

Tổng doanh thu hợp nhất của Công ty năm 2025 đạt 1.799 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch, tăng 54% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất đạt 708 tỷ đồng và 597 tỷ đồng đạt 137% và 139% kế hoạch, tăng tương ứng 71% và 69% so với năm 2024.



4. Cơ cấu doanh thu

Trong năm 2025, cơ cấu doanh thu của Công ty như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản Mục	Năm 2024		Năm 2025		Tăng /giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DT thu phí giao thông	309	26%	332	19%	23	7%
DT kinh doanh BĐS	323	28%	974	54%	651	202%
Doanh thu thi công xây dựng	-	-	-	-	-	-
DT khác	538	46%	493	27%	(45)	(8%)
Tổng doanh thu	1.170	100%	1.799	100%	629	54%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

Trong năm 2025, trong cơ cấu doanh thu của Công ty mảng kinh doanh bất động sản là hoạt động kinh doanh chính đóng góp 54% tổng doanh thu do doanh thu kinh doanh bất động sản năm 2025 tăng 202% so với thực hiện năm 2024. Hoạt động thu phí giao thông chiếm tỷ trọng 19% và hoạt động kinh doanh khác là 27% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

❖ Kinh doanh bất động sản

Năm 2025, doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 974 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch, tăng 202% so với năm 2024. Trong năm, doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận từ các dự án: Khu biệt thự Sunflower I, Khu biệt thự Sunflower II, dự án Khu dân cư IJC Hòa Lợi và các dự án khác.

❖ Thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông năm 2025 đạt 332 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch, tăng 7% so với năm 2024. Do tổng lưu lượng xe lưu thông qua 2 trạm thu phí đạt 23.160.986 lượt xe tăng 6% so với năm 2024.

❖ Thi công xây dựng

Trong năm 2025 doanh thu từ thi công xây dựng không phát sinh so với kế hoạch đề ra do công trình thi công xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một - Chơn Thành chưa thực hiện nghiệm thu như kế hoạch, dự kiến sẽ ghi nhận doanh thu trong năm 2026.



❖ **Hoạt động kinh doanh khác**

Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, nhà hàng, khách sạn, doanh thu tài chính, ghi nhận lãi từ Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Becamex Bình Phước và doanh thu cung cấp các mảng dịch vụ. Trong năm, tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác đạt 493 tỷ đồng, đạt 127% kế hoạch, giảm 8% so với năm 2024.

5. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản Mục	Năm 2024		Năm 2025		Tăng /giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp từ thu phí	232	51%	249	31%	17	7%
Lợi nhuận gộp kinh doanh BĐS	96	21%	457	56%	361	376%
Lợi nhuận gộp khác	130	28%	109	13%	(21)	(16%)
Tổng lợi nhuận gộp	458	100%	815	100%	357	78%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

Trong năm 2025, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 457 tỷ đồng, tăng 361 tỷ đồng, tương ứng tăng 376% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp từ hoạt động thu phí đạt 249 tỷ đồng, tăng 17 tỷ đồng, tương ứng tăng 7% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác đạt 109 tỷ đồng, giảm 21 tỷ đồng, tương ứng giảm 16% so với năm 2024.

Trong năm 2025, do doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản tăng mạnh so với năm 2024, tổng lợi nhuận gộp của công ty đạt 815 tỷ đồng, tăng 357 tỷ đồng, tương ứng tăng 78% so với năm 2024.

6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,15	6,32	4,17



Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,39	2,45	2,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	34,32	21,95	(12,37)
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	52,24	28,13	(24,11)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	0,17	0,21	0,04
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,14	0,18	0,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	34,71	37,18	2,47
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,87	7,41	0,54
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	4,52	5,78	1,26

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

❖ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,15 lần lên 6,32; chỉ số về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đảm bảo > 1 lần cho thấy công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Khả năng thanh toán nhanh tăng so với năm trước cho thấy khả năng thanh khoản của công ty vẫn được duy trì ở mức ổn định và ngày càng tốt lên. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán có sự biến động nhiều so với năm trước là do ngoài lượng tiền công ty thu từ hoạt động kinh doanh còn một lượng tiền phát hành từ cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty sẽ giải ngân theo tiến độ góp vốn của các doanh nghiệp.

❖ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Năm 2025 các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều giảm so với năm 2024. Cụ thể, Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm từ 34,32% xuống còn 21,95%, Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu



giảm từ 52,24% xuống còn 28,13% do việc hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ cơ cấu lại các khoản công nợ và đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, thanh toán các khoản công nợ khách hàng. Chỉ số về cơ cấu vốn giảm so với năm trước thể hiện sự chuyển dịch tích cực về tình hình tài chính của công ty, giúp công ty giảm áp lực về tài chính, giảm tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn.

❖ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Năm 2025 vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ so với năm 2024, đạt 0,21 vòng do doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 tăng 586 tỷ đồng, tương ứng tăng 57% so với năm 2024.

❖ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời.**

Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 34,71% lên 37,18%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng từ 6,87% lên 7,41% và hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng từ 4,52% lên 5,78%. Do doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động kinh doanh bất động sản tăng mạnh đồng thời công ty cắt giảm các khoản chi phí, chi phí tài chính,...

7. Tình hình thực hiện đầu tư năm 2025

DVT: tỷ đồng

STT	Tên công ty/Dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2025	Thực hiện đầu tư năm 2025
A	Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp	1.235	585
1	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Becamex Bình Phước	715	517
2	Công ty CP Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một- Chơn Thành	225	20
3	Công ty CP Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	295	36
4	Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	-	12
B	Dự án Nâng cấp, mở rộng QL13	500	19
C	Đầu tư các dự án bất động sản của công ty	668	840
1	Dự án Khu biệt thự Sunflower	165	67
2	Dự án Khu biệt thự Sunflower mở rộng	120	35
3	Dự án Khu phố Prince Town mở rộng	60	2
4	Dự án Chung cư IJC Aroma	50	6
5	Dự án nhà ở KDC Hòa Lợi MR (E2,7,10,11,14)	273	553



6	Dự án KDC IJC Hòa Lợi	-	9
7	Dự án KDC Ấp 5C Bàu Bàng	-	22
8	Dự án TĐC Hòa Lợi (Block A, B, C)	-	41
9	Dự án Green City (TĐC Hòa Lợi – Lô G)	-	105
Tổng cộng		2.403	1.444

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026 Chính phủ đặt mục tiêu tập trung giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo tiền đề để tăng trưởng cao hơn trong các năm sau.

Thị trường bất động sản vẫn đối mặt với không ít thách thức, việc triển khai quy định pháp luật mới về đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản, bên cạnh đó trong bối cảnh tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, lãi suất cho vay bất động sản trong những tháng đầu năm 2026 đã điều chỉnh lên mức cao hơn đáng kể. Trên cơ sở phân tích các cơ hội và thách thức nêu trên, Ban điều hành xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ năm 2026:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	% tăng/giảm KH 2026/ TH 2025
Tổng doanh thu	1.441	2.179	51%
Tổng chi phí	878	1.596	82%
Lợi nhuận trước thuế	563	583	4%
Lợi nhuận sau thuế	459	475	3%
Chi trả cổ tức	5%/VĐL	Từ 5%/VĐL trở lên	

Tại công ty mẹ, kế hoạch tổng doanh thu năm 2026 là 2.179 tỷ đồng tăng 51% so với năm 2025. Lợi nhuận trước và sau thuế dự kiến là 583 tỷ đồng và 475 tỷ đồng, lần lượt tăng 4% và 3% so với năm 2025.

2. Kế hoạch kinh doanh của các công ty thành viên năm 2026

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty BHI			Công ty Xây dựng IJC		
	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	%KH 2026/TH 2025	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	%KH 2026/TH



						2025
Tổng doanh thu	212	219	103	65	338	520
Tổng chi phí	181	210	116	61	325	533
LNTT	31	9	29	4	13	325
LNST	26	7,6	29	3,2	10,2	319

Trong năm 2026 Becamex IJC sẽ thực hiện chuyển nhượng lại Công ty TNHH Một thành viên WTC Bình Dương cho Công ty TNHH Một thành viên WTC Becamex (hiện nay đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng).

Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex (BHI) đặt mục tiêu doanh thu là 219 tỷ đồng tăng 3% so với năm 2025, lợi nhuận sau thuế là 7,6 tỷ đồng, giảm 71% so với năm 2025.

Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC đặt mục tiêu doanh thu là 338 tỷ đồng tăng 420% với năm 2025, lợi nhuận sau thuế là 10,2 tỷ đồng, tăng 219% so với năm 2025.

3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	% tăng/giảm KH 2026/ TH 2025
Tổng doanh thu	1.799	2.454	36%
+ Doanh thu thu phí	332	338	2%
+ Doanh thu kinh doanh BĐS	974	1.054	8%
+ Doanh thu thi công xây dựng	-	682	
+ Doanh thu khác	493	380	(22%)
Tổng chi phí	1.091	1.801	65%
Lợi nhuận trước thuế	708	653	(8%)
Lợi nhuận sau thuế	597	541	(9%)

Năm 2026, kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất tại Becamex IJC là 2.454 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2025. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế là 653 tỷ đồng và 541 tỷ đồng lần lượt giảm 8% và 9% so với năm 2025.

Kế hoạch hoạt động kinh doanh của từng lĩnh vực hoạt động năm 2026, cụ thể như sau:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản là 1.054 tỷ đồng tăng 8% so với thực hiện năm 2025, lợi nhuận sau thuế dự kiến là 230 tỷ đồng tăng 1% so với năm 2025.



Các dự án dự kiến triển khai đưa vào kinh doanh trong năm chủ yếu là: dự án Green City, dự án Khu dân cư IJC Hòa Lợi, dự án Tái định cư Hòa Lợi, dự án Ấp 5C Bàu Bàng, dự án Chung cư IJC Aroma, dự án Khu Biệt thự Sunflower II, ...

- Doanh thu từ hoạt động thu phí là 338 tỷ đồng tăng 2% với năm 2025. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 169 tỷ đồng tăng 1% so với năm 2025.
- Doanh thu từ hoạt động thi công xây dựng là 682 tỷ đồng, dự kiến ghi nhận từ dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một- Chơn Thành, đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn cầu Thủ Biên - Sông Sài Gòn (giai đoạn 1), thi công các công trình của Công ty Becamex Bình Phước.
- Doanh thu kinh doanh khác (cho thuê nhà, hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, thu nhập từ hoạt động tài chính, lãi ghi nhận từ công ty liên kết...) là 380 tỷ đồng giảm 22% so với năm 2025.

4. Kế hoạch đầu tư năm 2026:

Đvt: tỷ đồng

STT	DOANH NGHIỆP/DỰ ÁN	SỐ TIỀN
A	Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp	1.981
1	Công ty CP Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	1.078
2	Công ty CP Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành	510
3	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Becamex Bình Phước	363
4	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng IJC	30
B	Thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng QL13 (dự án mở rộng)	362
C	Đầu tư thi công xây dựng các công trình dân dụng và giao thông	798
1	Thi công dự án Cao tốc TP.HCM – TDM - Chơn Thành	470
2	Thi công dự án Đường Vành Đai 4 TP.HCM	157
3	Thi công các dự án của Công ty Becamex Bình Phước	171
D	Đầu tư các dự án bất động sản của công ty	1.267
1	Dự án Chung cư IJC Aroma (C, D, E)	200
2	Dự án KDC Ấp 5C Bàu Bàng	158
3	Dự án TĐC Hòa Lợi (Block A, C)	166
4	Dự án Khu biệt thự Sunflower II	173
5	Dự án Khu biệt thự Sunflower I	54
6	Dự án Green City (TĐC Hòa Lợi – Lô G)	346
7	Dự án Prince Town I	13
8	Dự án Khu đô thị IJC	157
	TỔNG CỘNG	4.408



5. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực:

- Tập trung đào tạo kỹ năng số cho người lao động nhằm nâng cao kỹ năng số, cập nhật công nghệ mới. Đồng thời nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng chuyên môn để đáp ứng được các yêu cầu công việc.
- Có chính sách đãi ngộ hợp lý, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp để thu hút lao động trình độ cao nhằm nâng cao chất lượng lao động.
- Nâng cao kỹ năng lãnh đạo quản lý của cán bộ quản lý điều hành đảm bảo đội ngũ nhân sự có năng lực.

6. Các giải pháp thực hiện:

Hoạt động kinh doanh bất động sản:

- Định vị sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng nhằm xác định rõ đối tượng khách hàng mục tiêu để đưa vào kinh doanh sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường tại từng thời điểm.
- Mở rộng các kênh bán hàng, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.
- Thực hiện đồng bộ việc xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình tiện ích của dự án đồng thời đảm bảo công tác vận hành sau bán hàng.

Hoạt động thu phí giao thông:

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hoàn thành việc đầu tư thi công và đưa vào khai thác Dự án Nâng cấp mở rộng QL13 (phần mở rộng).
- Kết hợp chặt chẽ việc quản lý, kiểm tra, đối soát với ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm chống thất thu và tối ưu hóa nguồn lực.

Các lĩnh vực khác:

- Ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý nhằm mục tiêu tối ưu hóa quy trình làm việc, nâng cao hiệu suất.
- Kiểm soát các khoản chi phí nhằm tối ưu hóa nguồn lực tài chính, cơ cấu nguồn vốn hợp lý để đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Trên đây là nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc công ty về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026. Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.



Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH THANH HÙNG



TP.HCM, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát (BKS) được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“Công ty” hoặc “IJC”) và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) công ty tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật giai đoạn 2024 – 2027 (nhiệm kỳ 2022-2027) gồm các thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------|
| - Ông: Nguyễn Hải Hoàng | Trưởng ban |
| - Bà: Lê Thị Thùy Dương | Thành viên |
| - Bà: Mai Thị Huỳnh Mai | Thành viên |

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã hợp và triển khai các công việc chính như sau:

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình hoạt động của BKS trong năm trình báo cáo ra HĐQT thường niên năm 2025 phê duyệt;
- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện tăng vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận theo phương án được HĐQT thông qua;
- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng năm 2025 của IJC và các đơn vị thành viên có vốn góp của Công ty như Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex (BHI), Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC, Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương và CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước (Becamex Bình Phước);
- Định kỳ kiểm tra các giao dịch liên quan phát sinh và việc chấp hành công bố thông tin của Công ty theo các quy định hiện hành.

Đánh giá: Các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty theo đúng điều lệ và quy định hiện hành.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

1. Về kết quả kinh doanh năm 2025:



- Số liệu công ty mẹ:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		TH2025/ KH2025	Tăng trưởng so với TH2024
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	788	1.787	1.441	81%	+83%
Tổng chi phí	494	1.333	878	66%	+78%
Lợi nhuận trước thuế	294	454	563	124%	+91%
Lợi nhuận sau thuế	244	373	459	123%	+88%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2025 của IJC

- Số liệu hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		TH2025/ KH2025	Tăng trưởng so với TH2024
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	1.170	2.086	1.799	86%	+54%
Tổng chi phí	755	1.569	1.091	70%	+44%
Lợi nhuận trước thuế	415	517	708	137%	+71%
Lợi nhuận sau thuế	354	429	597	139%	+69%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của IJC

Kinh tế Việt Nam năm 2025 tăng trưởng 8,02% là điểm sáng trong bối cảnh thế giới đối mặt nhiều thách thức do căng thẳng thương mại và thuế quan. Về mặt thuận lợi, Mỹ tiếp tục cắt giảm lãi suất giúp giảm áp lực lên chính sách tiền tệ của Việt Nam. Trong nước, Chính phủ điều hành vĩ mô linh hoạt, ổn định mặt bằng lãi vay, cắt giảm và gia hạn một số loại thuế hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kích thích tiêu dùng và đầu tư. Đặc biệt, chủ trương hợp nhất các tỉnh thành được triển khai sẽ tạo ra dư địa phát triển trong trung và dài hạn, trong đó có lĩnh vực phát triển Bất động sản (BDS) và hạ tầng giao thông của IJC. Bên cạnh đó, nhiều Luật quan trọng đã được xem xét sửa đổi trong năm 2025 như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68) kỳ vọng tháo gỡ các khó khăn, tăng tính chủ động, tự chủ của doanh nghiệp trong đầu tư và phát triển.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của IJC năm 2025 tập trung bốn lĩnh vực chính là phát triển BDS nhà ở, thu phí giao thông, đầu tư vốn tại các công ty và dịch vụ thương mại. Theo số liệu hợp nhất, mảng BDS nhà ở năm vừa qua đóng góp 61% trong cơ cấu với doanh thu thuần đạt 980 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2024, đóng vai trò động lực tăng trưởng chính của công ty nhờ đẩy mạnh bán hàng các dự án tại TPM Bình Dương như KDC Hòa Lợi, KBT Sunflower II. Hoạt động thu phí cầu đường dự án QL13 đóng góp lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu với tỷ trọng 21%. Trong năm 2025, hoạt động này đạt 332 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 7% so



với năm 2024. Các hoạt động như BĐS đầu tư, dịch vụ nhà hàng khách sạn, thương mại và triển lãm hợp nhất từ các công ty con đóng góp 18% trong cơ cấu với doanh thu gần 295 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2024.

Về hiệu quả, mảng kinh doanh BĐS là mảng dẫn dắt tăng trưởng về lợi nhuận chung toàn công ty năm 2025 nhờ doanh thu bán hàng tăng trưởng tích cực và biên lãi gộp mở rộng từ 31% năm 2024 lên bình quân 47% năm 2025. Hiệu quả mảng thu phí năm 2025 duy trì ổn định tương đương cùng kỳ.

Đối với hoạt động đầu tư vốn tại các công ty, trong năm 2025, IJC đã gia tăng giá trị đầu tư tại Becamex Bình Phước lên 1.201 tỷ đồng và tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty này từ 31,77% lên 40,33% vốn điều lệ. Sau giao dịch hoàn tất, IJC ghi nhận khoản lãi phát sinh từ thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết là 72 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm, Công ty cũng tham gia góp vốn hai công ty đầu tư các dự án giao thông trọng điểm ở khu vực TP.HCM là Công ty cổ phần Đường cao tốc TPHCM – Thủ Dầu Một – Chơn Thành (sở hữu 20% vốn điều lệ) và Công ty cổ phần Đường Vành đai 4 TPHCM (sở hữu 36% vốn điều lệ). Về hiệu quả, khoản đầu tư tại Becamex Bình Phước vẫn đóng góp chính trong lợi nhuận từ liên doanh liên kết của IJC với giá trị gần 85 tỷ đồng giảm 30% so với năm 2024.

Về quản lý chi phí, chi phí bán hàng tăng 3,8 lần so với năm 2024 lên 125 tỷ đồng do chi phí hoa hồng môi giới bán BĐS tăng theo doanh thu. Chi phí tài chính năm 2025 tăng 25% so với năm 2024 do lãi chậm trả cổ tức tăng. Chi phí quản lý tăng nhẹ 9% so với năm 2024. Nhìn chung, các chi phí trên tăng chủ yếu do công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tỷ lệ chi phí tài chính và bán hàng, quản lý trên doanh thu năm 2025 được kiểm soát ở mức 17%, thay đổi không đáng kể so với năm 2024.

Tổng thể, Tổng doanh thu hợp nhất Becamex IJC năm 2025 đạt 1.799 tỷ đồng, tăng trưởng 54% so với năm 2024, hoàn thành 86% kế hoạch được giao nguyên nhân do mảng xây dựng không phát sinh doanh thu. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 597 tỷ đồng, tăng trưởng 69% so với năm 2024, đạt 139% kế hoạch ĐHCĐ giao.

2. Về tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu tài chính hợp nhất	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025
1	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	57	58
1.2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	43	42
1.3	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu (VCSH)	%	51	28
1.4	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34	22
2	Hiệu quả hoạt động			
2.1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	0,17	0,21
2.2	Vòng quay phải thu khách hàng	Lần	1,07	1,32



STT	Chỉ tiêu tài chính hợp nhất	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025
2.3	Vòng quay phải trả nhà cung cấp	Lần	0,92	1,99
3	Khả năng thanh toán			
3.1	Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,15	6,32
3.2	Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,39	2,45
4	Hệ số khả năng sinh lời			
4.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	%	6,87	7,41
4.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,52	5,78

Tại ngày 31/12/2025, theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025, Tổng tài sản (TTS) của công ty đạt 10.333 tỷ đồng, tăng 2.490 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt là 58% và 42% (đầu năm là 57% và 43%).

Các chỉ số về hiệu quả hoạt động trong năm 2025 đều có sự cải thiện so với năm 2024 cho thấy chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường thu hồi công nợ. Kết quả là dòng tiền thuần từ kinh doanh năm 2025 đã giảm đáng kể quy mô thâm hụt từ 796 tỷ đồng năm 2024 xuống còn 232 tỷ đồng. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn nữa công tác quản lý công nợ nhằm tối ưu hóa dòng tiền sản xuất kinh doanh.

Về khả năng thanh toán, tỷ số thanh toán hiện hành tại ngày 31/12/2025 là 6,32 lần tăng so với đầu năm là 2,15 lần, đồng thời tỷ số thanh toán nhanh là 2,45 lần tăng so với đầu năm là 0,39 sau khi Công ty đã huy động thành công hơn 2.518 tỷ đồng từ việc phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và đẩy mạnh kinh doanh các dự án BĐS.

Về cơ cấu vốn sản xuất kinh doanh, nợ phải trả của tại ngày 31/12/2025 là 2.268 tỷ đồng, giảm 393 tỷ đồng so với đầu năm sau khi đã thanh toán bớt các khoản công nợ phải trả cho nhà cung cấp. Nhờ huy động tăng vốn điều lệ thành công và kết quả kinh doanh khả quan trong năm, Vốn chủ sở hữu (VCSH) của IJC cuối năm 2025 tăng lên 8.064 tỷ đồng (đầu năm 5.180 tỷ đồng). Nhìn chung, tỷ lệ đòn bẩy tài chính (Tổng nợ/ VCSH) của công ty vào cuối năm 2025 khá thấp 0,3 lần.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời ROA và ROE năm 2025 có sự cải thiện so với năm 2024. Trong đó, chỉ tiêu khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2025 đạt 7,41% tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn ở mức thấp do công ty cần thời gian hấp thụ lượng vốn tăng thêm sau khi tăng vốn điều lệ.

III. Kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2025 thể hiện tinh thần trách nhiệm và nỗ lực của tập thể Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty. Cụ thể trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức họp và ban hành 64 Nghị quyết với một số nội dung chính sau:



- Nội bật HĐQT đã tổ chức triển khai thành công kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 3.777.483.840.000 đồng lên 6.295.806.400.000 đồng.

- Về hoạt động đầu tư kinh doanh BĐS, hạ tầng giao thông: Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án điều chỉnh dự án BOT Nâng cấp, mở rộng QL13 tỉnh Bình Dương; Thông qua việc phê duyệt dự án Chung cư IJC Aroma, Khu nhà ở Prince Town II (mở rộng), Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) - Giai đoạn 1; Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng một phần dự án lô TH1 thuộc dự án Khu nhà ở tái định cư Hòa Lợi; Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng một phần dự án lô A-59 và A-13a thuộc dự án Khu dân cư Ấp 4 - Tân Bình;

- Về hoạt động đầu tư góp vốn: Thông qua việc tham gia góp vốn mua tại Công ty cổ phần Đường Cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một - Chơn Thành, Công ty cổ phần Đường Vành Đai 4 TP. Hồ Chí Minh và góp tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước.

- Về việc vay vốn ngân hàng: HĐQT đã thông qua nội dung liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Bình Dương, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Dương, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

- Các nghị quyết khác liên quan đến hoạt động của các Công ty con: công ty TNHH MTV Xây dựng IJC, Công ty TNHH MTV Khách Sạn Becamex và Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương và các nội dung phê duyệt dự án đầu tư theo thẩm quyền.

Đánh giá: Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng vốn điều lệ, lựa chọn đơn vị kiểm toán, công tác vay vốn tín dụng... Các nghị quyết của HĐQT ban hành theo đúng thẩm quyền và quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp. Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ các thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

2. Về giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên, chịu trách nhiệm theo lĩnh vực hoạt động và nghiêm túc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Ban TGD cung cấp đầy đủ các thông tin, chứng từ và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ.

- Hoạt động công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định. Định kỳ, công ty tổ chức các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư để cập nhật và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà đầu tư và cổ đông.

3. Về giao dịch với các tổ chức liên quan

Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT ngày 17/12/2024 với nội dung chấp thuận cho Tổng giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan năm 2025 với giá trị mỗi hợp đồng, giao dịch không quá 10% tổng giá trị tài sản. Trong năm 2025, Công ty thường xuyên phát sinh các giao dịch với tổ chức có liên quan về nội dung cung cấp dịch vụ, mua hàng hóa, góp vốn, thi công công trình... Chi tiết các giao dịch này được công bố tại Phụ lục 2 Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.



Đánh giá: Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ các nội dung giao dịch với tổ chức có liên quan.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025

Ban kiểm soát thống nhất các số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và toàn văn báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty năm 2025 mà Hội đồng quản trị đã đệ trình trước Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban TGD trong năm 2025

- Công ty duy trì cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên bằng các buổi họp và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT nhằm theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty để có thể đánh giá rủi ro quản lý điều hành, đảm bảo duy trì và tăng cường hoạt động quản trị.

- HĐQT, Ban TGD và các phòng ban Công ty đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin tài liệu, các nghị quyết về hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ và kịp thời, phục vụ công tác kiểm tra giám sát theo quy định tại Điều lệ công ty.

- Cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD được thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ, hướng tới mục tiêu phát triển an toàn, bền vững.

- Thù lao năm 2024 của Ban kiểm soát được thanh toán trong năm 2025 là 295.800.000 đồng, trong đó:

+ Trưởng ban: 121.800.000 đồng

+ 02 Thành viên: 87.000.000 đồng/người

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát. Kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN HẢI HOÀNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Báo cáo của HĐQT và thành viên HĐQT độc lập năm 2025, Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Công ty**").

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua: Báo cáo tài chính năm 2025 hợp nhất và công ty mẹ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Báo cáo của Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 (Các báo cáo được đính kèm theo tài liệu đại hội).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



Số: 02/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025
và kế hoạch kinh doanh năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“**Công ty**”).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Thông qua kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/ KH 2025
Tổng doanh thu	2.086	1.799	86%
+ Doanh thu thu phí	309	332	107%
+ Doanh thu kinh doanh BĐS	990	974	98%
+ Thi công xây dựng	400	-	-
+ Doanh thu khác	387	493	127%
Tổng chi phí	1.569	1.091	70%
Lợi nhuận trước thuế	517	708	137%
Lợi nhuận sau thuế	429	597	139%

b. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo số liệu báo cáo tài chính của Công ty mẹ:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/ KH 2025
Tổng doanh thu	1.787	1.441	81%
Tổng chi phí	1.333	878	66%
Lợi nhuận trước thuế	454	563	124%
Lợi nhuận sau thuế	373	459	123%
Chi trả cổ tức	5%/VĐL	5%/VĐL	



VĐL: 6.295.806.400.000 đồng.

2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

a. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	(%) KH 2026/ TH 2025
Tổng doanh thu	1.799	2.454	136%
+ Doanh thu thu phí	332	338	102%
+ Doanh thu kinh doanh BĐS	974	1.054	108%
+ Thi công xây dựng	-	682	
+ Doanh thu khác	493	380	77%
Tổng chi phí	1.091	1.801	165%
Lợi nhuận trước thuế	708	653	92%
Lợi nhuận sau thuế	597	541	91%

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo số liệu báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	(%) KH 2026/ TH 2025
Tổng doanh thu	1.441	2.179	151%
Tổng chi phí	878	1.596	182%
Lợi nhuận trước thuế	563	583	104%
Lợi nhuận sau thuế	459	475	103%
Chi trả cổ tức	5%/VĐL	Từ 5%/VĐL trở lên	

VĐL: 6.295.806.400.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



Số: 03/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Nghị Định 155**");
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ("**Nghị Định 245**");
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("**Thông Tư 118**");
- Căn cứ Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 118/2020/TT-BTC ("**Thông Tư 115**");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025**");
- Nghị quyết Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") Công ty số 15/NQ-HĐQT ngày 05/05/2025 về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết HĐQT Công ty số 38/NQ-HĐQT ngày 18/07/2025 về việc thông qua điều chỉnh bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết HĐQT Công ty số 59/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025 về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Công ty**").

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025 như sau:

1. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được thông qua cụ thể như sau:



STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)
1.	Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành – đoạn qua tỉnh Bình Dương	265.002.840.000
2.	Góp vốn vào Công ty Cổ Phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	714.879.760.000
3.	Góp vốn vào công ty dự án để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên – Sông Sài Gòn (giai đoạn 1) và/hoặc Đầu tư xây dựng (và/ hoặc thanh toán hợp đồng thi công xây dựng) dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) và/ hoặc Đầu tư xây dựng (và/hoặc thanh toán hợp đồng thi công xây dựng) dự án BOT Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13- tỉnh Bình Dương và/ hoặc Đầu tư xây dựng (và/ hoặc thanh toán hợp đồng thi công xây dựng) dự án Khu nhà ở Prince Town II (mở rộng).	1.163.925.729.400
4.	Thanh toán các khoản nợ gốc lãi vay của Công ty đối với các tổ chức tín dụng và/ hoặc các khoản nợ gốc lãi trái phiếu đến hạn của Công ty	374.514.230.600
	Tổng cộng	2.518.322.560.000

2. Cơ sở để HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng vốn:

Mục IV của tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 09/04/2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ- ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025: Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết, phù hợp với quy định của pháp luật; Quyết định cụ thể việc sử dụng và phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung phương án sử dụng vốn phù hợp với tiến độ tăng vốn điều lệ, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán, định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

3. Báo cáo về nội dung điều chỉnh việc sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua:

Căn cứ trên ủy quyền ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/05/2025 về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 18/07/2025 về việc thông qua điều chỉnh bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán theo nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 18/07/2025:

STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
1.	Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành để đầu tư	265.002.840.000	Dự kiến trong năm 2025 và năm 2026



STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
	dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành – đoạn qua tỉnh Bình Dương		
2.	Góp vốn vào Công ty Cổ Phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước (“ BCM Bình Phước ”) để bổ sung vốn đầu tư thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex- Bình Phước và trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương <i>(thực hiện theo phương án tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn được cấp có thẩm quyền của BCM Bình Phước phê duyệt)</i>	714.879.760.000	Dự kiến trong năm 2025, theo tiến độ tăng vốn của BCM Bình Phước
3.	Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên – sông Sài Gòn (giai đoạn 1)	738.966.993.000	Dự kiến trong năm 2025, năm 2026 và năm 2027
4.	Thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu mã IJCH2025001 phát hành năm 2020 của Công ty	156.972.131.507	Dự kiến trong năm 2025, theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu
5.	Trả gốc hoặc lãi các khoản nợ vay tại các Ngân hàng	217.542.099.093	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay
	<i>Trong đó:</i>		
5.1	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam</i>	126.284.424.770	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay
5.2	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</i>	33.747.253.848	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay



STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
5.3	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</i>	45.795.825.661	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay
5.4	<i>Trả lãi nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương</i>	11.714.594.814	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay
6.	Đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) <i>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình Biệt thự đơn lập tại Lô N6-Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc Dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng)</i>	200.000.000.000	Dự kiến trong năm 2025 và năm 2026
7.	Đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở Prince Town II (mở rộng) <i>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình Nhà liên kế thuộc dự án Khu nhà ở Prince Town II (mở rộng)</i>	224.958.736.400	Dự kiến trong năm 2025, năm 2026 và năm 2027
	Tổng cộng	2.518.322.560.000	

Căn cứ theo báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 392/BC-IJC ngày 10/11/2025, HĐQT đã điều chỉnh mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để góp vốn vào Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành và trả gốc hoặc lãi các khoản nợ vay tại các Ngân hàng. Khoản đầu tư xây dựng tại Dự án Sunflower mở rộng và Dự án Prince Town mở rộng Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác để thực hiện dự án. Việc điều chỉnh được thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho các dự án và khoản đầu tư mang tính cấp thiết, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Đồng thời để giảm chi phí lãi vay và sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành tham gia hoạt động kinh doanh của công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn phát hành. HĐQT ban hành Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025, trong đó số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng như sau:



STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến	Ghi chú
1.	Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành để đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành – đoạn qua tỉnh Bình Dương	278.665.042.000	Dự kiến trong năm 2025 và năm 2026 theo tiến độ góp vốn của Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	Điều chỉnh tăng 13.662.202.000 đồng
2.	Góp vốn vào Công ty Cổ Phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước (“ BCM Bình Phước ”) để bổ sung vốn đầu tư thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex-Bình Phước và trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương <i>(thực hiện theo phương án tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn được cấp có thẩm quyền của BCM Bình Phước phê duyệt)</i>	714.879.760.000	Dự kiến trong năm 2025 và năm 2026 theo tiến độ tăng vốn của Công ty Cổ Phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Không thực hiện điều chỉnh số tiền sử dụng vốn, điều chỉnh tiến độ sử dụng vốn
3.	Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên – sông Sài Gòn (giai đoạn 1)	691.553.130.000	Dự kiến trong năm 2025 và năm 2026 theo tiến độ góp vốn Công ty Cổ phần đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh	Điều chỉnh giảm 47.413.863.000 đồng và điều chỉnh tiến độ sử dụng vốn dự kiến
4.	Thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu mã IJCH2025001 phát hành năm 2020 của Công ty	156.972.131.507	Dự kiến trong năm 2025, theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu	Không thực hiện điều chỉnh



STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến	Ghi chú
5.	Trả gốc hoặc lãi các khoản nợ vay tại các Ngân hàng	676.252.496.493	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay	Điều chỉnh tăng 458.710.397.400 đồng
	<i>Trong đó:</i>			
5.1	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam</i>	<i>173.666.182.887</i>	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay	Điều chỉnh tăng 47.381.758.117 đồng
5.2	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</i>	<i>182.191.841.790</i>	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay	Điều chỉnh tăng 148.444.587.942 đồng
5.3	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</i>	<i>0</i>		Điều chỉnh giảm 45.795.825.661 đồng
5.4	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á – Chi nhánh Bình Dương</i>	<i>56.890.000.000</i>	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay	Bổ sung thêm trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á – Chi nhánh Bình Dương
5.5	<i>Trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương</i>	<i>251.789.877.002</i>	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay	Bổ sung thêm trả gốc nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương
5.6	<i>Trả lãi nợ vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương</i>	<i>11.714.594.814</i>	Dự kiến trong năm 2025, theo thời gian quy định của hợp đồng vay	Không thực hiện điều chỉnh



STT	Mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến	Ghi chú
6.	Đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) <i>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình Biệt thự đơn lập tại Lô N6-Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc Dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng)</i>	0		Điều chỉnh giảm 200.000.000.000 đồng
7.	Đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở Prince Town II (mở rộng) <i>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình Nhà liên kế thuộc dự án Khu nhà ở Prince Town II (mở rộng)</i>	0		Điều chỉnh giảm 224.958.736.400 đồng
	Tổng cộng	2.518.322.560.000		

Trên đây là báo cáo về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, HĐQT đã triển khai việc đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



Số: 04/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị Định 155**”);
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“**Nghị Định 245**”);
- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“**Công ty**”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ngày 15/04/2022;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ngày 15/04/2022.

Để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật và căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.</i>	6499
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	4673
3	Dịch vụ cảnh quan	8130



	<i>Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh</i>	
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	4679
5	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản <i>Chi tiết: Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>	6821
6	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng <i>Chi tiết: Dịch vụ định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>	6829

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.</i>	6499
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	4663
3	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan <i>Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh</i>	8130
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu</i>	4669



	<i>đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>	6820
6	(Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

3. Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
2	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
3	Xây dựng công trình điện <i>(Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>	4221	
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
6	Xây dựng nhà để ở	4101	
7	Xây dựng nhà không để ở	4102	
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT.</i>	8299	
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: - Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. - Giám sát xây dựng các công trình giao thông. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng & công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường. - Thiết kế, thẩm tra kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. - Tư vấn</i>	7110	



	quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. - Tổ chức mời thầu, đấu thầu, lựa chọn thầu trong hoạt động xây dựng và mua sắm thiết bị máy móc. (Trừ dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)		
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng và máy cơ giới. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	4659	
11	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng. (Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114mm, tấm thép mạ và tấm thép màu)</i>	2392	
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản. (thực hiện theo Quy hoạch của Tỉnh) (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i>	6810	x
13	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.</i>	6499	
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh</i>	4673	



	tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)		
15	Dịch vụ cảnh quan <i>Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh</i>	8130	
16	Lắp đặt hệ thống điện <i>Chi tiết: Thi công điện dân dụng và công nghiệp.</i>	4321	
17	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng. (Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).</i>	7120	
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	4679	
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết: Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản.</i>	0810	
20	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản <i>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>	6821	
21	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829	



	<i>Chi tiết: Dịch vụ định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>		
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>(Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, (máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22)</i>	4322	
23	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	
24	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao <i>(Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114m, tấm thép mạ và tấm thép màu)</i>	2395	
25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	

4. Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ tương ứng với ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi của Công ty tại Mục 3 nêu trên.

5. Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cần thiết để thông báo thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo quy định hiện hành.

Trong phạm vi ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua và các quy định pháp luật hiện hành, ủy quyền cho Hội đồng quản trị của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và/hoặc yêu cầu của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Nghị Định 155**");
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ("**Nghị Định 245**");
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Công ty**");
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ngày 15/04/2022;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ngày 15/04/2022.

Nhằm đáp ứng yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với những quy định pháp luật mới và phù hợp yêu cầu tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật hiện nay, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (*Đính Phụ lục 01: Bảng thuyết minh sửa đổi, bổ sung*).
2. Thông qua bản Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật mới thay thế cho bản Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành.
3. Giao cho HĐQT/Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị và bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



PHỤ LỤC 1: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

(Đính kèm Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 của Hội đồng quản trị)

STT	KHOẢN, ĐIỀU, NỘI DUNG THEO QUY ĐỊNH HIỆN TẠI	KHOẢN, ĐIỀU, NỘI DUNG THEO QUY ĐỊNH SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
I. Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật				
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ			
	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: d) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; e) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và các quy định sửa đổi, bổ sung</u> ; e) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và các quy định sửa đổi, bổ sung</u> ;	Cập nhật quy định hiện hành	
	h) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	h) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	Thực hiện đúng quy định Khoản 55 Điều 4 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và tình hình thực tế tại Công ty	
	i) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	i) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;	Thực hiện đúng quy định Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và tình hình thực tế tại Công ty	
			Cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế của	



				Công ty.																																																									
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam - Fax: 02743.3848.678	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 230 Đại lộ Bình Dương, <u>phường Phú Lợi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.</u>		Cho phù hợp tình hình thực tế.																																																									
3	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1.Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là <table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th><th>Ngành, nghề kinh doanh chính</th></tr><tr><td>1</td><td>Xây dựng công trình đường sắt</td><td>4211</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Xây dựng công trình đường bộ</td><td>4212</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i></td><td>4221</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Xây dựng công trình cấp, thoát nước</td><td>4222</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc</td><td>4223</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Xây dựng nhà ở</td><td>4101</td><td></td></tr></table>	STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính	1	Xây dựng công trình đường sắt	4211		2	Xây dựng công trình đường bộ	4212		3	Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>	4221		4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222		5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223		6	Xây dựng nhà ở	4101		Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1.Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là <table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th><th>Ngành, nghề kinh doanh chính</th></tr><tr><td>1</td><td>Xây dựng công trình đường sắt</td><td>4211</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Xây dựng công trình đường bộ</td><td>4212</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i></td><td>4221</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Xây dựng công trình cấp, thoát nước</td><td>4222</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc</td><td>4223</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Xây dựng nhà ở</td><td>4101</td><td></td></tr></table>	STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính	1	Xây dựng công trình đường sắt	4211		2	Xây dựng công trình đường bộ	4212		3	Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>	4221		4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222		5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223		6	Xây dựng nhà ở	4101			Thực hiện đúng quy định Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	
STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính																																																										
1	Xây dựng công trình đường sắt	4211																																																											
2	Xây dựng công trình đường bộ	4212																																																											
3	Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>	4221																																																											
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222																																																											
5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223																																																											
6	Xây dựng nhà ở	4101																																																											
STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính																																																										
1	Xây dựng công trình đường sắt	4211																																																											
2	Xây dựng công trình đường bộ	4212																																																											
3	Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>	4221																																																											
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222																																																											
5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223																																																											
6	Xây dựng nhà ở	4101																																																											



7	Xây dựng nhà không để ở	4102		7	Xây dựng nhà không để ở	4102			
	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu				Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu				
8	Chi tiết: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT.	8299		8	Chi tiết: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT.	8299			
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. - Giám sát xây dựng các công trình giao thông. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng & công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường. - Thiết kế, thẩm tra kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi,	7110		9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. - Giám sát xây dựng các công trình giao thông. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng & công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường. - Thiết kế, thẩm tra kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi,	7110			



	hạ tầng kỹ thuật. - Tổ chức mời thầu, đấu thầu, lựa chọn thầu trong hoạt động xây dựng và mua sắm thiết bị máy móc. <i>Trừ dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải</i>			hạ tầng kỹ thuật. - Tổ chức mời thầu, đấu thầu, lựa chọn thầu trong hoạt động xây dựng và mua sắm thiết bị máy móc. <i>Trừ dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải</i>			
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng và máy cơ giới. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được</i>	4659		10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng và máy cơ giới. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được</i>	4659	



	loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết				loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết				
	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng. 11 Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114m, tấm thép mạ và tấm thép màu	2392			Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng. 11 Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114m, tấm thép mạ và tấm thép màu	2392			
	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản. (thực hiện theo Quy hoạch của Tỉnh) (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810	x		Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản. (thực hiện theo Quy hoạch của Tỉnh) (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810	x		
	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. 13	6499			Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. 13	6499			
					14 Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt	4673			



	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết</i>	4663			khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.</i> <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết</i>				
14									
15	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh	8130			<u>Dịch vụ cảnh quan</u> 15 Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh	8130			
16	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công điện dân dụng và công nghiệp.	4321			Lắp đặt hệ thống điện 16 Chi tiết: Thi công điện dân dụng và công nghiệp.	4321			
17	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng. <i>Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao</i>	7120			17 Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng. <i>Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng</i>	7120			



	<i>thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.</i>			<i>thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.</i>				
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực</i>	4669		18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực</i>	4679		



	hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết				khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết				
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản.	0810			19 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản.	0810			
20	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. <i>Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên.</i>	6820			20 <u>Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản</u> Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản. <i>Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên</i>	6821			
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>(Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, (máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22)</i>	4322			21 <u>Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng</u> Chi tiết: Dịch vụ định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. <i>Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên</i>	6829			
22	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118							
23	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395			22 Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không	4322			



		Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114m, tấm thép mạ và tấm thép màu)				khí						
	24	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730			23	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118				
	25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299				Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao					
	26	(Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam			24	Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114m, tấm thép mạ và tấm thép màu	2395				
						25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730				
						26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299				
4	Điều 12. Quyền của cổ đông Chưa quy định					Điều 12. Quyền của cổ đông <u>3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ</u>					Thực hiện đúng quy định Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15	



		<u>về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u>		
5	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>được sửa đổi tại Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
6	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ... 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ...	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ... 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <u>cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ...	Thực hiện đúng quy định Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15	
7	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán, quy</u>	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	



	Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	<u>định khác của pháp luật</u> và Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty.</u>		
8	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu <u>1 thành viên</u> Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Thực hiện đúng quy định Khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ Hội đồng quản trị			
	k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc <u>và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức vụ khác theo quy định của pháp luật;</u> quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Quy định cụ thể hơn về các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng	
9	u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty.</u>	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	



10	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật</u> và Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty</u> .	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	
11	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. <u>Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</u> Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Thực hiện đúng quy định Khoản 55 Điều 4 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và thống nhất với Điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ	
12	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định <u>của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,</u> quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty</u> và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	
13	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <i>Chưa quy định</i>	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <u>6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 83 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
II. Quy chế nội bộ về quản trị công ty				
1	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 7. VSD: là Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt <u>7. VSDC: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán</u>	Điều chỉnh chính xác tên Tổng Công ty Lưu	



	Nam	<u>Việt Nam</u>	ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	
2	Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ... 2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ...	Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ... 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <u>cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: ...	Thực hiện đúng quy định Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15 và thống nhất với Điều 21 Điều lệ	
3	Điều 18: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này; b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Điều 18: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của <u>Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của <u>Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của <u>Luật Doanh nghiệp</u>; b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh phù hợp Luật Doanh nghiệp	



Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT				
4	8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;	8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <u>Người phụ trách quản trị công ty</u> và người quản lý khác của công ty;	Thực hiện đúng quy định Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
	Chưa quy định	<u>9. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
	11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty.	12. Quyền và nghĩa vụ khác theo <u>quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và</u> Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT				
5	f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	f) <u>Từng</u> thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Thực hiện đúng quy định Khoản 80 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT				
6	3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu <u>1 thành viên</u> Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Thực hiện đúng quy định Khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và thống nhất với Khoản 3 Điều 26 Điều lệ	
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT				
7	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và</u> Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản</u>	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	



		<i>tri nội bộ công ty.</i>		
	3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
	Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị			
8	f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật</u> và Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty.</u>	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	
9	Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.	Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị <u>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15	
	Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc			
10	i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,</u> quy định khác của pháp luật, Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty</u> và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	



III. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị				
1	Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu <u>1 thành viên</u> Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Thực hiện đúng quy định Khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và thống nhất với Khoản 3 Điều 26 Điều lệ	
2	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... c) <u>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác;</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị				
3	i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật</u> và Điều lệ Công ty, <u>quy chế quản trị nội bộ công ty.</u>	Để có cơ sở thực hiện, áp dụng quy định có liên quan	
4	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị			



	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;...	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc <u>và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức vụ khác theo quy định của pháp luật</u>; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	Quy định cụ thể hơn về các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và thống nhất với Điểm k Khoản 2 Điều 27 Điều lệ	
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và thống nhất với Khoản 4 Điều 27 Điều lệ	
5	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; ...	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; <u><i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số</i></u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 và thống nhất với Điểm a Khoản 2 Điều 12 Điều lệ	



		<u>lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: ...</u>		
6	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị <u>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u>	Thực hiện đúng quy định Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15	



Số: 06/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025
Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“**Công ty**”);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“**Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025**”);
- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán và Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Đvt: đồng			
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025
1.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	372.697.000.000	459.361.378.912
2.	Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	18.634.850.000 (5% LNST Kế hoạch 2025)	22.968.068.946 (5%LNST Thực hiện 2025)
	+ Quỹ đầu tư phát triển	37.269.700.000 (10%LNST Kế hoạch 2025)	137.808.413.674 (30% x LNST Thực hiện 2025)
3.	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích quỹ	316.792.450.000	298.584.896.292
4.	Lợi nhuận sau thuế còn giữ lại năm 2024	107.468.016.308	105.743.176.308
5.	Lợi nhuận sau thuế có thể chia cổ tức	424.260.466.308	404.328.072.600
6.	Chia cổ tức (5%/VĐL)	314.790.320.000	314.790.320.000
7.	Trích quỹ thưởng Ban điều hành đạt kế hoạch kinh doanh (1%LNST2025)	3.726.970.000	4.593.613.789
8.	Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2025	105.743.176.308	84.944.138.811



VĐL: 6.295.806.400.000 đồng.

- Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt.
- Thời gian chi trả: Quý 4 năm 2026.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026

Dvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026
1.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	475.224.899.127
2.	Lợi nhuận sau thuế giữ lại năm 2025	84.944.138.811
3.	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x LNST 2026)	23.761.244.956
4.	Trích quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST 2026)	142.567.469.738
5.	Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Giám đốc và Phó Giám đốc các phòng, ban	4.752.248.991
6.	Tỷ lệ chi trả cổ tức (Từ 5%/VĐL trở lên)	314.790.320.000
7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026	74.297.754.253

VĐL: 6.295.806.400.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐỖ QUANG NGÔN



Số: 07/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025
và Kế hoạch chi trả năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Công ty**");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025**");
- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán và Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 và Kế hoạch chi trả năm 2026, cụ thể như sau:

1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025:

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 bằng $1\% \times$ Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2025.
- Theo kết quả kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 459.361.378.912 đồng.
- Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ nêu trên. Tổng thù lao chi trả cho HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 là: 4.593.600.000 đồng (đã làm tròn số).

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026:

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026 như sau:
- Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026: $1\% \times$ Lợi nhuận sau thuế năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



TỜ TRÌNH

(V/v phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC và kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Nghị Định 155**");
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ("**Nghị Định 245**");
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ("**Thông Tư 116**");
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ("**Công ty**").

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông các tiêu chí lựa chọn và danh sách công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2026 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; đáp ứng được yêu cầu của Công ty và có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán;
- Đảm bảo thời hạn hoàn thành để đáp ứng thời gian công bố thông tin theo quy định pháp luật;
- Không phát sinh xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty.

2. Danh sách các công ty kiểm toán độc lập đề xuất lựa chọn

Căn cứ các tiêu chí trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính, thực hiện kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Công ty năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.



Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN HẢI HOÀNG



TỜ TRÌNH

(V/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027))

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“**Công ty**”).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“Đại hội”) xem xét và thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027):

I. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027)

Ngày 04/03/2026, Công ty có nhận được đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của Bà Mai Thị Huỳnh Mai.

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty và điểm b khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với bà Mai Thị Huỳnh Mai kể từ ngày 09/04/2026.

II. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027)

Để đảm bảo số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty sau khi bà Mai Thị Huỳnh Mai từ nhiệm. Vì vậy, HĐQT đề nghị Đại hội bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027) cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu: 01 thành viên.
- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

Đại hội sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027) theo Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027) được thông qua tại Đại hội.

Đính kèm: Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027)

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
NHIỆM KỲ (2022 – 2027) TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh Nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng Khoán”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“Nghị Định 155”);
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Nghị Định 245”);
- Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“Công ty”) nhiệm kỳ (2022 – 2027) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“Đại hội”) được thực hiện theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử:

- Nguyên tắc bầu cử:
 - Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông
 - Bầu cử công khai theo phương thức bầu cử được nêu tại Điều 5 của Quy chế này.
- Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập ngày 10/03/2026) có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung là: 01 thành viên
- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ (2022 - 2027)



3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều lệ Công ty và *Khoản 1, Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14* ngày 17/06/2020 và khoản 2 Điều 286 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020

Điều 3. Quy định về việc ứng cử, đề cử làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên): *(Theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty)*

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương thức bầu cử:

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện thông qua bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với 01 là số thành viên Ban kiểm soát được bầu như được nêu tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho các ứng viên sao cho tổng số phiếu bầu cho ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của mình.

Ví dụ:



Cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ bỏ phiếu để bầu 01 thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông đó sẽ có $1.000 \times 1 = 1.000$ phiếu bầu. Cổ đông A có thể bầu theo phương thức sau:

- Chia đều 1.000 phiếu bầu cho các ứng viên (đánh dấu “X” vào ô bầu đều)
- Chia 1.000 phiếu bầu cho các ứng viên (viết số phiếu muốn bầu cho ứng viên tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó).
- Dồn hết 1.000 phiếu bầu cho 01 ứng viên (viết số 1.000 vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó)

2. Trường hợp bầu Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành. (*Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty*).

Điều 5. Hình thức tiến hành bầu cử:

5.1 Trường hợp bầu dồn phiếu:

5.1.1 Phiếu bầu cử:

Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp sẽ được phát 01 (một) phiếu bầu cử Ban kiểm soát, trên đó có ghi mã số cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát, danh sách ứng cử viên được đề cử vào Ban kiểm soát, ô “Bầu đều” và “Cột số phiếu bầu” và có dấu tròn của Công ty

5.1.2 Cách ghi phiếu bầu cử:

- a. Cổ đông muốn chia đều số phiếu bầu cho các ứng cử viên thì đánh dấu (X) vào ô “Bầu đều” hoặc;
- b. Cổ đông không bầu đều cho các ứng cử viên thì viết số phiếu muốn bầu cho ứng cử viên vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó. Nếu cổ đông không bầu cho ứng cử viên nào thì để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Ban tổ chức Đại hội để đổi lại phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông

5.1.3 Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

- a. Phiếu bầu cử hợp lệ:
 - Là phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát ra có đóng dấu tròn của Công ty.
 - Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) tổng số phiếu bầu được quyền bầu;
 - Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền;
 - Không bị rách, gạch, tẩy xóa, cạo sửa
- b. Phiếu bầu cử không hợp lệ:
 - Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;



- Phiếu bầu cử không có dấu tròn của Công ty
- Phiếu bầu cử bị rách, gach, tẩy xóa cạo sửa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cử ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban bầu cử sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong

Các phiếu bầu không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử

5.1.4 Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
- Ban kiểm phiếu bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu bầu cử và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát vào thùng phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu bầu cử niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông
- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong

5.1.5 Quy định việc kiểm phiếu:

- a. Ban kiểm phiếu bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
 - Ban kiểm phiếu bầu cử làm việc trong 01 phòng riêng/khu vực riêng
 - Ban kiểm phiếu bầu cử có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu
 - Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử
 - Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu
 - Việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- b. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
 - Sau khi kiểm phiếu xong, Ban bầu cử lập Biên bản kết quả kiểm phiếu
 - Nội dung Biên bản kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - + Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu
 - + Thành phần Ban kiểm phiếu bầu cử
 - + Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - + Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu



- + Số và tỷ lệ phiếu bầu cử hợp lệ, phiếu bầu cử không hợp lệ
- + Số và tỷ lệ số phiếu bầu cho từng ứng viên Ban kiểm soát
- + Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu bầu cử

5.2 Trường hợp bầu theo phương thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông sẽ được cấp một phiếu biểu quyết về việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027), trong đó ghi họ tên cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần được biểu quyết của cổ đông, họ và tên ứng viên và có đóng dấu tròn của Công ty. Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, và ghi ý kiến biểu quyết của mình vào phiếu biểu quyết được phát cho cổ đông và nộp lại cho Ban Tổ chức khi Đại hội kết thúc

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử thành viên Ban kiểm soát:

6.1 Trường hợp bầu dồn phiếu:

- Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Trường hợp vẫn không bầu được thành viên Ban kiểm soát thì việc bầu cử tiếp theo sẽ do Đại hội quyết định.

6.2 Trường hợp bầu theo phương thức biểu quyết được nêu tại khoản 5.2 Điều 5:

Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát khi được số cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành.

Điều 7. Công bố kết quả bầu cử:

Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát được Ban bầu cử công bố ngay tại Đại hội

Kết quả này sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội.

Điều 8. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên Ban kiểm soát:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

- Văn bản ứng cử thành viên Ban kiểm soát (*theo mẫu 1A*)
- Văn bản đề cử thành viên Ban kiểm soát (*theo mẫu 1B*)
- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*);
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu/ các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 10/03/2026 - ngày chốt danh sách cổ đông đề tham dự Đại hội của Công ty)



- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Người đề cử/ứng cử vào Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội về tính chính xác, trung thực và nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử:

Cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện có yêu cầu ứng cử, đề cử nhân sự vào danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát vui lòng gửi hồ sơ đề cử, ứng cử (*theo mẫu đính kèm*) về địa chỉ như sau:

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Tầng 15, Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274 3848789 - Email: info@becamexijc.com.

Thời gian nhận hồ sơ: trước 17 giờ ngày 06/04/2026

Quá thời hạn nêu trên mà Công ty không nhận được văn bản đề cử, ứng cử của cổ đông thì HĐQT sẽ xem xét lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn để đề cử trình Đại hội bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ (2022 - 2027).

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty kết thúc.

Trên đây là toàn bộ Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ (2022 -2027) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



Mẫu 1A: Văn bản ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Đính kèm Quy chế bầu cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**VĂN BẢN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
NHIỆM KỲ (2022 -2027)**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tên cổ đông:
Mã số cổ đông :.....
Ngày sinh.....Nơi sinh.....
Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:tại
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn :.....Chuyên ngành.....
Số cổ phần sở hữu.....cổ phần, tương ứng với.....%
vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (« Công ty »).
Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi đề nghị được tham gia
ứng cử làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022–2027) của Công ty.
Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo
quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
Trân trọng.

Hồ sơ kèm theo :

Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu
Bản sao hợp lệ các văn bằng liên quan
Sơ yếu lý lịch

....., ngàytháng.....năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu 1B: Văn bản đề cử thành viên Ban kiểm soát

(Đính kèm Quy chế bầu cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm 2026

**VĂN BẢN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
NHIỆM KỲ (2022 -2027)**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Cổ đông/ nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“Công ty”) gồm:

STT	Họ và tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN/ Nơi cấp, ngày cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ	Chữ ký/Chữ ký của người đại diện theo pháp luật đối với cổ đông là tổ chức
	Tổng số CP				

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tôi/Chúng tôi trân trọng đề cử:

1./ Ông/Bà:

Ngày sinh:Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:tại

Trình độ học vấn:Chuyên ngành.....



2./ Ông/Bà:

Ngày sinh:Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:tại
.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành

Là ứng viên cho vị trí thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Tôi/Chúng tôi cam đoan các ứng viên trên có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật nhiệm kỳ (2022-2027) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hồ sơ kèm theo :

Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu của người được đề cử

Bản sao hợp lệ các văn bản liên quan của người được đề cử

Sơ yếu lý lịch của người được đề cử



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Đính kèm hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 -2027

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật)

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CCCD/Hộ chiếu:.....ngày cấp.....nơi cấp.....
6. Quốc tịch:Dân tộc:
.....
7. Địa chỉ thường trú:
8. Số điện thoại :.....
9. Địa chỉ email:
10. Trình độ chuyên môn:
11. Quá trình công tác:.....
12. Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật:.....
13. Chức vụ tại tổ chức khác (nếu có):
14. Tổng số cổ phần nắm giữ tại IJC:cổ phần
15. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:
16. Những khoản nợ đối với công ty
17. Lợi ích liên quan tới công ty
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngàythángnăm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....5

Điều 1. Giải thích thuật ngữ5

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY6

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty6

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty6

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY7

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty7

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty10

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP10

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập10

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu11

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....11

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần11

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)12

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT12

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....12

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG12

Điều 12. Quyền của cổ đông.....12

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông14

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông15

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông16

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông17

Điều 17. Thay đổi các quyền18

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông..19

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông20

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....20

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua22

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông22

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....24



Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		25
Điều 25.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32.	Người phụ trách quản trị công ty	32
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ...		33
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 34.	Người điều hành Doanh nghiệp.....	33
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	33
Điều 36.	Thư ký Công ty	34
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT.....		34
Điều 37.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	34
Điều 38.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	35
Điều 39.	Trưởng Ban kiểm soát.....	35
Điều 40.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	35
Điều 41.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	36
Điều 42.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		37
Điều 43.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 44.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY		38
Điều 45.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	38
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN		39
Điều 46.	Công nhân viên và công đoàn.....	39
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		39
Điều 47.	Phân phối lợi nhuận	39
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....		40



Điều 48.	Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 49.	Năm tài chính.....	40
Điều 50.	Chế độ kế toán	40
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....		40
Điều 51.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 52.	Báo cáo thường niên	41
CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY		41
Điều 53.	Kiểm toán.....	41
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....		41
Điều 54.	Dấu của doanh nghiệp.....	41
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY		41
Điều 55.	Giải thể công ty.....	41
Điều 56.	Gia hạn hoạt động	42
Điều 57.	Thanh lý	42
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....		42
Điều 58.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....		43
Điều 59.	Điều lệ công ty	43
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC		43
Điều 60.	Ngày hiệu lực	43



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026. Bản Điều lệ này là duy nhất và thay thế bản Điều lệ ngày 10/11/2025.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Công ty được quy định trong Điều lệ này là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật;
- b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các quy định sửa đổi, bổ sung;
- e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định sửa đổi, bổ sung;
- f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;
- j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company.**

- Tên Công ty viết tắt: **Becamex IJC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: 0274.3848.789

- E-mail: info@becamexijc.com

- Website: www.becamexijc.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày hoạt động.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam;

- Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế;

- Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.



CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
2	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
3	Xây dựng công trình điện <i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>	4221	
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
6	Xây dựng nhà để ở	4101	
7	Xây dựng nhà không để ở	4102	
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT.	8299	
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. - Giám sát xây dựng các công trình giao thông. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng & công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường. - Thiết kế, thẩm tra kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. - Tổ chức mời thầu, đấu thầu, lựa chọn thầu trong hoạt động xây dựng và mua sắm thiết bị máy móc. <i>Trừ dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải</i>	7110	



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng và máy cơ giới. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết</i>	4659	
11	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng. <i>Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114mm, tấm thép mạ và tấm thép màu</i>	2392	
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản. (thực hiện theo Quy hoạch của Tỉnh) (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810	x
13	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.	6499	
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết</i>	4673	
15	<u>Dịch vụ cảnh quan</u> Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh	8130	
16	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công điện dân dụng và công nghiệp.	4321	
17	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

	Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng. <i>Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.</i>		
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. <i>Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết</i>	4679	
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản.	0810	
20	<u>Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản</u> Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản. <i>Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên</i>	6821	
21	<u>Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng</u> Chi tiết: Dịch vụ định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. <i>Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên</i>	6829	
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, (máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22</i>	4322	



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

23	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	
24	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao <i>Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114mm, tấm thép mạ và tấm thép màu</i>	2395	
25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	

Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, bao gồm việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật, đã hoặc sẽ được Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Phân đầu trở thành nhà phát triển dự án hàng đầu tại khu vực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại Bình Dương nói riêng và Việt Nam nói chung;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng mảng thu phí giao thông, không ngừng áp dụng các tiến bộ khoa học và quản trị nhân sự nhằm đem lại hiệu quả cao nhất;
- Phát triển mảng thương mại dịch vụ ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 6.295.806.400.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu nghìn hai trăm chín mươi lăm tỷ tám trăm lẻ sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 629.580.640 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 (số cũ 4603000368) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/07/2007. Căn cứ theo quy định Luật Doanh nghiệp, tính đến thời



điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật là 49%.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn



vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;



- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy



tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng *phương tiện khác* theo quy định trong Điều lệ công ty.



7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này; Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội



đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;



- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi tại Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a) Đối với cổ đông là các nhân chỉ được ủy quyền cho 1 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;
- b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 1 cá nhân hoặc tổ chức khác, từ 10% đến dưới 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 3 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ 50% trở



lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 5 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.



4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch,



số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn *30 ngày*, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ *33%* tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn *20 ngày* kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu



quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:



- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Định hướng phát triển công ty;
 - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - g) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - m) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - n) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - o) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - p) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.



Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;



- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông



trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử đủ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, *Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.*

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:



Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: Có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần;
- e) Trường hợp công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, giá trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu. Điều khoản này không áp dụng đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
- f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;



- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức vụ khác theo quy định của pháp luật; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty;
- t) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, *quy chế quản trị nội bộ công ty*.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán *được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng



trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, *Luật Chứng khoán*, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.



Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.



Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:



- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:



- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- f) Tuyển dụng lao động;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của *Luật Doanh nghiệp*, *Luật Chứng khoán*, *quy định khác của pháp luật* và Điều lệ Công ty, *quy chế quản trị nội bộ công ty* và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:



1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.



2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. *Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.*

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:



- a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;
- c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua



Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về



ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy



định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.



2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, thay thế Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 60 điều được này được thông qua căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH THANH HÙNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026



HĐQT-BBH-26030003

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	14
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	15
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	16
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	17
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 23. Hiệu lực thi hành	17



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ- ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:
 - Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.
 - Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
 - Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.



3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc,.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu *1 thành viên* Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế này.

6. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;



đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Chủ tịch HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn của mình;

f) Phê duyệt các đề nghị của Tổng Giám đốc về việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo lãnh, bảo đảm và bồi thường của Công ty;

g) Phê duyệt các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm của Công ty;

h) Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản theo yêu cầu của Công ty;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, *Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật* và Điều lệ Công ty, *quy chế quản trị nội bộ công ty*.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc



làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:



a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử đủ ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách



trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần;
 - e) Trường hợp công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, giá trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu. Điều khoản này không áp dụng đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
 - f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch



thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và *Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức vụ khác theo quy định của pháp luật*; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

t) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán *được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.



Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; *Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;*
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các



thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - b. đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01



giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:



- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. *Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.*

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.



4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.



6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.



Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương, 23 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật thông qua các nội dung sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua và thay thế cho Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2022.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026



HĐQT-BBH-26030003

MỤC LỤC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	5
CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	14
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	14
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	15
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	16
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	16
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	17
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	18
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	19
III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	20
Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	20
Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	20
Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	21



Điều 26.	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	-21
Điều 27.	Điều kiện tiến hành	-----22
Điều 28.	Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến	-----22
Điều 29.	Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	-----22
Điều 30.	Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	-----22
Điều 31.	Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	-----23
Điều 32.	Thông báo kết quả kiểm phiếu	-----23
Điều 33.	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	-----23
Điều 34.	Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	-----23
IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN		-----23
Điều 35.	Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	-----24
Điều 36.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	-----24
Điều 37.	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	-----24
Điều 38.	Điều kiện tiến hành	-----24
Điều 39.	Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	-----24
Điều 40.	Cách thức bỏ phiếu	-----24
Điều 41.	Cách thức kiểm phiếu	-----24
Điều 42.	Thông báo kết quả kiểm phiếu	-----24
Điều 43.	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	-----24
Điều 44.	Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	-----24
CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		-----25
Điều 45.	Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	-----25
Điều 46.	Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT	-----25
Điều 47.	Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT	-----26
Điều 48.	Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	-----26
Điều 49.	Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	-----27
Điều 50.	Cách thức bầu thành viên HĐQT	-----27
Điều 51.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	-----27
Điều 52.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	-----28
Điều 53.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	-----28
Điều 54.	Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	-----28
Điều 55.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	-----29
Điều 56.	Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	-----29
Điều 57.	Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	-----30



Điều 58.	Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát -----	30
Điều 59.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	30
Điều 60.	Cách thức biểu quyết -----	30
Điều 61.	Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị -----	32
Điều 62.	Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị -----	32
Điều 63.	Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	32
Điều 64.	Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	33
Điều 65.	Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	33
Điều 66.	Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	33
Điều 67.	Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty -----	33
Điều 68.	Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty -----	33
Điều 69.	Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty -----	34
Điều 70.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty -----	34
Điều 71.	Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty -----	34
Điều 72.	Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 73.	Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----	35
Điều 74.	Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát -----	35
Điều 75.	Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát -----	36
Điều 76.	Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	36
Điều 77.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	36
Điều 78.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	37
Điều 79.	Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	37
Điều 80.	Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc -----	37
Điều 81.	Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc -----	37
Điều 82.	Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc -----	38
Điều 84.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc -----	38
Điều 85.	Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc -----	38
Điều 86.	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	38
Điều 87.	Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	38
Điều 88.	Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc -----	39
Điều 89.	Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	39
Điều 90.	Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	40



Điều 91. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	40
Điều 92. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	40
Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	41
Điều 94. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác -----	42
Điều 95. Khen thưởng -----	43
Điều 96. Kỷ luật -----	43
Điều 97. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty -----	43
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC -----	44
Điều 98. Ngày hiệu lực-----	44



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ- ĐHĐCD ngày 09 tháng 4 năm 2026.

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
3. Công ty : là Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật.
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị
5. Ứng cử: là tự đề cử



6. BKS: là Ban kiểm soát
7. VSDC: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
9. Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông



bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;



- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty ;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.



2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ; trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty .

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty . Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.



4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty ;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty .

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty .
- b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty .

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội



a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty ;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định



họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;



21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.



- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty ;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;



- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông *tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành*, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Gia hạn hoạt động Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông *tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành*, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty



3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của *Luật Doanh nghiệp* có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của *Luật Doanh nghiệp* và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của *Luật Doanh nghiệp*;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



- j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- a) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- l) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- m) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- n) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.
- o) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.



Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;



- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến



Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.



- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.



- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.
- c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
 - Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
 - Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN



Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 24 Quy chế này.

Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 26 Quy chế này.

Điều 38. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 29 Quy chế này.

Điều 40. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.



CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, *Người phụ trách quản trị công ty* và người quản lý khác của công ty;
9. *Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.*
10. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành.
11. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của *Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.*

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:



- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- f. *Từng* thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu *1 thành viên* Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: có tối thiểu là 01 thành viên độc lập.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, *Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật* và Điều lệ Công ty, *quy chế quản trị nội bộ công ty*.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 Công ty đại chúng.



3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác.

Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử đủ ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.



3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;



- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, *Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật* và Điều lệ Công ty, *quy chế quản trị nội bộ công ty*.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm



1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty ; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty .

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 60. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;



- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông



nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện

6. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty .

7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 63. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty .



Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Điều 66. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 67. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 68. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.



Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 71. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Điều 72. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được



chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để Công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 73. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.



3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ Công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 77. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



Điều 78. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 79. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty ; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của *Luật Doanh nghiệp*, *Luật Chứng khoán*, quy định khác của pháp luật, Điều lệ Công ty, *quy chế quản trị nội bộ công ty* và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 81. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;



- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 82. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 81 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 83. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 84. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 85. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 86. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 87. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.



Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 89. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.



Điều 90. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 91. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 80 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 92. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 89 quy chế này;
 - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
 - d. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.



- b. Tổng Giám đốc , người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
- c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty . Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty , Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;



b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

Điều 94. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.



2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 95. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 96. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 97. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.



2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 98. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 98 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026.
2. *Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua* và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 4 năm 2022.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG NGÔN



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh Nghiệp”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (“Công ty”).
- Biên bản họp số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 về việc báo cáo tài chính năm 2025 hợp nhất và công ty mẹ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Báo cáo của Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT độc lập năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 (Các báo cáo được đính kèm theo tài liệu đại hội).

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:.....%

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 02/TTr- HĐQT ngày 09/04/2026 về việc báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

1.Thông qua kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/ KH 2025
Tổng doanh thu	2.086	1.799	86%
+ Doanh thu thu phí	309	332	107%
+ Doanh thu kinh doanh BĐS	990	974	98%



+ Thi công xây dựng	400	-	-
+ Doanh thu khác	387	493	127%
Tổng chi phí	1.569	1.091	70%
Lợi nhuận trước thuế	517	708	137%
Lợi nhuận sau thuế	429	597	139%

b. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo số liệu báo cáo tài chính của Công ty mẹ:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/ KH 2025
Tổng doanh thu	1.787	1.441	81%
Tổng chi phí	1.333	878	66%
Lợi nhuận trước thuế	454	563	124%
Lợi nhuận sau thuế	373	459	123%
Chi trả cổ tức	5%/VĐL	5%/VĐL	

Ghi chú: VĐL : 6.295.806.400.000 đồng

2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

a. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	(%) KH 2026/ TH 2025
Tổng doanh thu	1.799	2.454	136%
+ Doanh thu thu phí	332	338	102%
+ Doanh thu kinh doanh BĐS	974	1.054	108%
+ Thi công xây dựng	-	682	
+ Doanh thu khác	493	380	77%
Tổng chi phí	1.091	1.801	165%
Lợi nhuận trước thuế	708	653	92%
Lợi nhuận sau thuế	597	541	91%

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo số liệu báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	(%) KH 2026/ TH 2025
Tổng doanh thu	1.441	2.179	151%
Tổng chi phí	878	1.596	182%
Lợi nhuận trước thuế	563	583	104%
Lợi nhuận sau thuế	459	475	103%
Chi trả cổ tức	5%/VĐL	Từ 5%/VĐL trở lên	



Ghi chú: VDL: 6.295.806.400.000 đồng

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 03/TTr- HĐQT ngày 09/04/2025 về việc Báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 (được đính kèm theo Nghị quyết này)

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty (được đính kèm theo Nghị quyết này), cụ thể:

1. Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
2	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
3	Xây dựng công trình điện (<i>Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>)	4221	
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
5	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
6	Xây dựng nhà để ở	4101	
7	Xây dựng nhà không để ở	4102	
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT.</i>	8299	
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: - Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. - Giám sát xây dựng các công trình giao thông. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng & công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công</i>	7110	



	trình cầu đường. - Thiết kế, thẩm tra kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). - Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. - Tổ chức mời thầu, đấu thầu, lựa chọn thầu trong hoạt động xây dựng và mua sắm thiết bị máy móc. (Trừ dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)		
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng và máy cơ giới. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	4659	
11	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng. (Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114mm, tấm thép mạ và tấm thép màu)	2392	
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản. (thực hiện theo Quy hoạch của Tỉnh) (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810	x



13	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.</i>	6499	
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>	4673	
15	Dịch vụ cảnh quan <i>Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh</i>	8130	
16	Lắp đặt hệ thống điện <i>Chi tiết: Thi công điện dân dụng và công nghiệp.</i>	4321	
17	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng. (Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).</i>	7120	
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà; sách; báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại</i>	4679	



	<i>quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</i>		
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết: Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản.</i>	0810	
20	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản <i>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>	6821	
21	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng <i>Chi tiết: Dịch vụ định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản. (Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên)</i>	6829	
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>(Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22)</i>	4322	
23	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	
24	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao <i>(Trừ sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D5-D32 mm và ống thép nối D15-D114mm, tấm thép mạ và tấm thép màu)</i>	2395	
25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	

2. Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ tương ứng với ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi của Công ty tại Mục 1 nêu trên.

3. Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cần thiết để thông báo thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo quy định hiện hành.

4. Trong phạm vi ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua và các quy định pháp luật hiện hành, ủy quyền cho Hội đồng quản trị của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và/hoặc yêu cầu của pháp luật mà không cần thông qua từ ĐHĐCĐ.



- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (được đính kèm theo Nghị quyết này)

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 về việc phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025
1.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	459.361.378.912
2.	Trích lập các quỹ + Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%LNST 2025) + Quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST 2025)	22.968.068.946 137.808.413.674
3.	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích quỹ	298.584.896.292
4.	Lợi nhuận sau thuế còn giữ lại năm 2024	105.743.176.308
5.	Lợi nhuận sau thuế có thể chia cổ tức	404.328.072.600
6.	Chia cổ tức (5%/VĐL)	314.790.320.000
7.	Trích quỹ thưởng Ban điều hành đạt kế hoạch kinh doanh (1%LNST2025)	4.593.613.789
8.	Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2025	84.944.138.811

VĐL: 6.295.806.400.000 đồng.

- Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt.

- Thời gian chi trả: Quý 4 năm 2026.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026
1.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	475.224.899.127
2.	Lợi nhuận sau thuế giữ lại năm 2025	84.944.138.811
3.	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x LNST 2026)	23.761.244.956
4.	Trích quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST 2026)	142.567.469.738

5.	Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Cán bộ quản lý doanh nghiệp cấp trung đạt kế hoạch kinh doanh (1%LNST2026)	4.752.248.991
6.	Tỷ lệ chi trả cổ tức (Từ 5%/VĐL trở lên)	314.790.320.000
7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026	74.297.754.253

VĐL: 6.295.806.400.000 đồng.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 và Kế hoạch chi trả năm 2026, cụ thể như sau:

1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025:

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 bằng 1% x Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2025.
- Theo kết quả kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 459.361.378.912 đồng.
- Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ nêu trên. Tổng thù lao chi trả cho HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 là: 4.593.600.000 đồng (đã làm tròn số).

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026:

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026 như sau:
- Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026: 1% x Lợi nhuận sau thuế năm 2026.
- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 09/04/2026 về việc phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC và kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%



Điều 9. Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 09/04/2026 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 – 2027).

1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 – 2027) đối với Bà Mai Thị Huỳnh Mai đã có đơn xin từ nhiệm ngày 04/03/2026
2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 – 2027) thay thế.
 - Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
 - Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
 - Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 10. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 – 2027) cụ thể như sau:

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật nhiệm kỳ (2022 – 2027) được bầu bổ sung là: Ông/Bà

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ... %
- Tỷ lệ biểu quyết không tán thành:....%
- Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến:....%

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Điều 12. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT Tp.HCM
- Các thành viên HĐQT, BKS, TGD

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

ĐỖ QUANG NGÔN



PHIẾU BIỂU QUYẾT
(Các nội dung báo cáo, tờ trình tại Đại hội)**Mã CD:**

Họ và tên cổ đông:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần sở hữu/ủy quyền đại diện:

cổ phần

Sau khi nghiên cứu các tờ trình của HĐQT được trình bày tại Đại hội, tôi có ý kiến biểu quyết các vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
01	<u>Tờ trình số: 01/TTr-HĐQT</u> Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT độc lập năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025	☐	☐	☐
02	<u>Tờ trình số: 02/TTr-HĐQT</u> Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026	☐	☐	☐
03	<u>Tờ trình số: 03/TTr-HĐQT</u> Báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025	☐	☐	☐
04	<u>Tờ trình số: 04/TTr-HĐQT</u> Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty	☐	☐	☐
05	<u>Tờ trình số: 05/TTr-HĐQT</u> Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
06	<u>Tờ trình số: 06/TTr-HĐQT</u> Thông qua việc phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026	☐	☐	☐
07	<u>Tờ trình số: 07/TTr-HĐQT</u> Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 và Kế hoạch chi trả năm 2026	☐	☐	☐
08	<u>Tờ trình số: 01/TTr-BKS</u> Thông qua việc phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật năm 2026	☐	☐	☐



09	<u>Tờ trình số: 08/TTr-HĐQT</u> Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2022 - 2027)	☐	☐	☐
----	--	--------------------------	--------------------------	--------------------------

Ghi chú:

- Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông vui lòng đánh dấu (X) vào phần ý kiến biểu quyết và nộp lại phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức trước khi kết thúc đại hội.
- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được tổ chức ngày 09/04/2026.
- Các phiếu sau đây được xem là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu, không có dấu của Công ty)
 - Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm nội dung khác

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

